



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.5504

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/06/2025
Trang/Page: 1/4

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN - TÒA NHÀ
PVFCCO TOWER

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN - TÒA NHÀ
PVFCCO TOWER

Địa chỉ/ Address

: 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, thành phố
Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 30/05/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 31/05/2025 – 06/06/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results : Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director



Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.5504	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	07/06/2025 Trang/Page: 2/4
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KT.053003 – Bên trong ống khói máy phát điện (D=45cm; NL: dầu) (X=1192 891; Y=603 481)

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B (Kp=0,6; Kv=1,0)
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2 ^(*)	3.035	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5 ^(*)	28,1	120
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	442	510
4	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	0	300
5	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	149	600

Ghi chú/ Note

(*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận. Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện. Not detected. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp. Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo. /Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. /This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHI NHÁNH NINH THUẬN

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
☎ 0949 825 262



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 25.06.5504

07/06/2025
Trang/Page: 3/4

Loại mẫu/ Type of sample	: Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KT.053004 – Bên trong ống khói nhà bếp (LxW=35x35cm) (X=1192 912; Y=603 455)

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B (Kp=0,6; Kv=1,0)
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2 ^(*)	4.512	-
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5 ^(*)	16	120
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	0	510
4	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	0	300
5	CO	mg/Nm ³	ĐNHT-KT03	ĐNHT-KT03 ^(*)	3,44	600

Ghi chú/ Note

(*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH không phát hiện/ Not detected, MĐL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo/ Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh/ This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

3M01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

SỞ CHÍNH

28/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.06.5504	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	07/06/2025 Trang/Page: 4/4
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.053005 – Đầu vào của HTXLNT (X=1192 934; Y=603 477) NT.053006 – Đầu ra của HTXLNT (X=1192 950; Y=603 476)
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 14:2008/ BTNMT CỘT B
				NT.053005	NT.053006	
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,95	7,04	5 – 9
2	TDS	mg/L	ĐNHT-N05 ^(*)	438	431	1.000
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	267	49	100
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	180	36	50
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	34,2	5,18	10
6	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ -E:2023 ^(*)	0,22	10,5	50
7	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	13,6	2,47	10
8	S ²⁻ _H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2023 ^(*)	5,21	0,39	4,0
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	4,62	KPH (MDL=1,0)	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009 ^(*)	8,19	0,68	10
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2,3x10 ⁴	3.500	5.000

Ghi chú/ Note:

(*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận. Method is accredited by MONRI

KPH: không phát hiện. Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp. Method detection limit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo. /Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. /This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

QUẢN LÝ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
N: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 1
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
huph@duonghuynh.com